

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ LIỆU MAY TRẦN GIA PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ LIỆU MAY TRẦN GIA PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN GIA PHAT GARMENT ACCESSORIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRAN GIA PHAT ACCESS.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110254085

**3. Ngày thành lập:** 16/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 203, đường Trục Chính, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422472699

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                                     | 4659        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                       | 4669        |
| 4.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                            | 4719        |
| 5.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                               | 1311        |
| 6.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                      | 1312        |
| 7.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                    | 1313        |
| 8.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                    | 1391        |
| 9.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                     | 1392        |
| 10. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                   | 1393        |
| 11. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                          | 1394        |
| 12. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất dây khoá kéo, phụ liệu may mặc                                                                                                                                                | 1399(Chính) |
| 13. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                       | 2013        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                               | 2220        |
| 15. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                              | 2431        |
| 16. | Đúc kim loại màu<br>(trừ đúc vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                   | 2432        |
| 17. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                   | 4782        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                    | 4799        |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                     | 3311        |
| 20. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải; - Len, sợi; - Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu; - Hàng dệt khác; - Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu... | 4751        |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                           | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN HUY<br>HIỀN | Thôn 1, Xã Tam<br>Hiệp, Huyện Phúc<br>Thọ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.300.0<br>00 | 13.000.000.000           | 65,000       | 0010830090<br>47                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 1.300.0<br>00 | 13.000.000.000           | 65,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN HUY<br>HÀNG | Thôn 3, Xã Tam<br>Hiệp, Huyện Phúc<br>Thọ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 20,000       | 0010790102<br>67                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN THỊ KIM     | Thôn 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000  | 001186027036 |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000  |              |
|   |                  |                                                                 |                           |         |               |        |              |
| 4 | NGUYỄN VĂN THỊNH | Thôn 8, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 | 001097043695 |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                 | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |                  |                                                                 |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HUY HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 04/06/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083009047

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 1, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội